TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/01/2018.
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2/. Ông Nguyễn Văn Lạc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1977 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số ..., ấp MP, xã MB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2- *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1964 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số ..., ấp MP, xã MB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Trường A trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị X chung sống với nhau từ năm 2001 và đã được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2002. Trong quá trình chung sống, ông và bà X có một con chung tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/7/2002, hiện con đang sống chung với bà X. Ông và bà X ly thân từ khoảng tháng 6/2016 cho đến nay. Lý do là vì ông,

bà không còn tình cảm vợ chồng, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Do vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị X;

- Về con chung: ông yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/7/2002 và không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 30/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Huỳnh Thị X trình bày:

Bà thống nhất với lời trình của ông Nguyễn Trường A về quan hệ hôn nhân và con chung. Hiện nay bà vẫn còn thương chồng và không muốn gia đình bà tan vỡ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A. Trường hợp Tòa án có giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/7/2002, bà yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Về tài sản chung thì hiện nay bà và ông A có một cái nền nhà diện tích ngang 20m, dài 35m tọa lạc tại ấp MP, xã MB, thị xã Ngã Năm, nguồn gốc là của cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G cho bà và ông A, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Trường hợp ông A đồng ý làm giấy tờ để lại phần nền nhà này cho bà và con thì bà sẽ đồng ý ly hôn với ông A. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết; Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường A: giải quyết cho ông A được ly hôn với bà X, về con chung cháu Nguyễn Hoài T giao cho bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông A và bà X về thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi cháu T là 750.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên hòa giải và công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Huỳnh Thị X đưa ra yêu cầu về giải quyết tài sản chung là cái nền nhà diện tích ngang 20m, dài 35m tọa lạc tại ấp MP, xã MB, thị xã Ngã Năm. Xét thấy, yêu cầu nêu trên của bà X là yêu cầu phản tố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên thời điểm bà X đưa ra yêu cầu phản tố đã quá thời hạn được quyền yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu nêu trên của bà X không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này, bà X được quyền khởi kiện chia tài sản chung trong một vụ án khác để Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu nêu trên của bà.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Trường A và bà Huỳnh Thị X đã tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2002, do vậy hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn nên hai người đã ly thân với nhau từ tháng 6/2016 đến nay. Ông A cho rằng trong đời sống vợ chồng giữa ông và bà X thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm, hiện nay ông và bà X đã không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa, vì vậy ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà X. Nhưng bà X không đồng ý, vì bà còn thương chồng và không muốn gia đình đỗ vỡ. Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng ông A vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn và bà X cũng không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm chung sống lại với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân và hạnh phúc gia đình được xây dựng trên nền tảng tình cảm vợ chồng, trong đời sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng ông A và bà X không thực hiện được việc này, ông, bà đã sống ly thân kể từ tháng 6/2016 cho đến nay vì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được. Đơn phương bà X mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân trong khi ông A đã không còn tình cảm vợ chồng thì hôn nhân chỉ tồn tại hình thức, không mang lại hạnh phúc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết ông A được ly hôn với bà X để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung:

Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Trường A và bà Huỳnh Thị X có một con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/7/2002, từ khi ông A và bà X ly thân cháu T chung sống với mẹ cho đến nay. Trong trường hợp ly hôn, bà X yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Qua xem xét nguyện vọng của cháu T (tại biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 30/11/2017) thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Tại phiên tòa, ông A chấp nhận giao cháu T cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo

cuộc sống cho cháu T được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, nên quyết định giao cháu cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 (mười tám) tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông A không ai được quyền ngăn cản.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Huỳnh Thị X yêu cầu ông Nguyễn Trường A cấp dưỡng nuôi cháu T đến tròn 18 tuổi định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/tháng, phía ông A chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà X. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận mức cấp dưỡng nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về phân chia tài sản chung: căn cứ theo nhận định tại phần thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

[6]. Về phân chia nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Trường A phải chịu án phí về ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường A được ly hôn với bà Huỳnh Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/7/2002 cho bà Huỳnh Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 *(mười tám)* tuổi. Ông Nguyễn Trường

A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 23/01/2018. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông A, không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về phân chia tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về phân chia nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trường A phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), tổng cộng là 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008082 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, ông A có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Quang Nhuận